

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 102/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 24-04-2025
V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Duy Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Xuân Dũng;

2. Ông Lê Văn Thông.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Nguyệt Hồng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Thanh Liêm - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 04 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 55/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 03 năm 2025 về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 586/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 03 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 786/2025/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2025; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Thân A1, sinh năm: 1943 (có mặt)

Địa chỉ: Khu vực T, phường N1, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Bị đơn: Bà Đào Thị N, sinh năm: 1943 (có mặt)

Địa chỉ: Khu vực T, phường N1, thị xã A, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, các giai đoạn tố tụng tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Thân A1 trình bày:

Ông và vợ Đào Thị N được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau từ năm 1976 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng sống không hợp nhau nên thường xuyên cãi vã, mỗi lần

kình cãi bà N dùng lời nói nhục mạ ông. Ông và bà N đã không còn quan tâm đến nhau từ năm 1993 đến nay. Trước đây ông làm và ở nhờ nhà ông Đào Thăng L, địa chỉ: Số 633 N2, thị trấn T1, huyện T1, tỉnh Bình Định. Hiện nay ông đang thuê nhà trọ ở tại thôn P, xã P1, huyện T1, tỉnh Bình Định.

Nay ông xác định không còn tình cảm và không thể tiếp tục sống chung với bà N nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 04 người con chung:

- Thân Thị Ái H, sinh năm 1978;
- Thân Trọng H1, sinh năm 1979 (chết năm 2007, chưa có vợ con);
- Thân Thị Tuyết T2, sinh năm 1981;
- Thân Thị Kim T3, sinh năm 1984.

Tất cả các người con đã thành niên, có khả năng lao động và đã lập gia đình nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết con chung.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo các lời khai tại hồ sơ và tại phiên tòa, bị đơn bà Đào Thị N trình bày:

Trước khi cưới, bà và ông Thân A1 không có tìm hiểu nhau mà chỉ quen biết nhau qua mai mối. Cả hai sống chung với nhau từ năm 1976 nhưng không đăng ký kết hôn.

Cuộc sống vợ chồng rất hạnh phúc. Vợ chồng thỉnh thoảng lúc nóng giận có lời qua tiếng lại, sau đó vẫn bình thường. Ông Thân A1 thích hát nhạc sống và thường xuyên ra ngoài giao lưu, từ đó ít quan tâm đến bà. Bà xác định còn tình cảm với ông Thân A1 nên bà không muốn ly hôn với ông Thân A1.

Về con chung: Vợ chồng có 04 người con chung:

- Thân Thị Ái H, sinh năm 1978;
- Thân Trọng H1, sinh năm 1979 (chết năm 2007, chưa có vợ con);
- Thân Thị Tuyết T2, sinh năm 1981;
- Thân Thị Kim T3, sinh năm 1984.

Tất cả các người con đã thành niên, có khả năng lao động và đã lập gia đình nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết con chung.

Bà không tranh chấp về tài sản chung và nợ chung.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Thân A1 được ly hôn với bà Đào Thị N.
2. Về con chung: Các người con đã trưởng thành nên không xét.
3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Thân A1 và bà Đào Thị N không tranh chấp nên không xét.
4. Về án phí: Ông Thân A1 được miễn chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Thân A1 yêu cầu Tòa án giải quyết “Ly hôn” với bà Đào Thị N có địa chỉ cư trú tại khu vực T, phường N1, thị xã A, tỉnh Bình Định. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Sau khi nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, ngày 23/4/2025 bà N giao nộp chứng cứ gồm một thiết bị nhớ lưu trữ ngoài màu xám, không rõ kích thước, giao tiếp với máy tính thông qua cổng USB (gọi tắt là USB flash drive). Dữ liệu bên trong USB flash drive gồm có 09 tập tin, định dạng *.mp4, dung lượng các tập tin từ 9735 Kb đến 15.055 Kb. Xét thấy, theo quy định tại khoản 2 Điều 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tài liệu nghe được, nhìn được được coi là chứng cứ nếu được xuất trình kèm theo văn bản trình bày của người có tài liệu đó về xuất xứ của tài liệu nếu họ tự thu âm, thu hình hoặc văn bản có xác nhận của người đã cung cấp cho người xuất trình về xuất xứ của tài liệu đó hoặc văn bản về sự việc liên quan tới việc thu âm, thu hình đó. Bà N chỉ giao nộp USB flash drive nhưng không nộp kèm theo văn bản trình bày về xuất xứ của tài liệu nên các tập tin được lưu trữ trong USB flash drive không được xác định là chứng cứ.

[3] Theo quy định tại điểm a khoản 3 của Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội, quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03/01/1987 mặc dù không đăng ký kết hôn vẫn được pháp luật công nhận là vợ chồng. Ông Thân A1 và bà Đào Thị N sống chung với nhau từ năm 1976 đến nay mặc dù không đăng ký kết hôn nhưng vẫn được pháp luật công nhận là vợ chồng. Như vậy Hội đồng xét xử có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa ông A1 và bà N là hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của ông Thân A1, Hội đồng xét xử nhận thấy, ông Thân A1 và bà Đào Thị N đều đã cao tuổi, nhưng cuộc sống hôn nhân đã đổ vỡ từ

rất lâu. Theo lời khai của ông Thân A1, trong quá trình chung sống, giữa hai bên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, mà nguyên nhân chủ yếu là do bà N có lời lẽ xúc phạm, thiếu tôn trọng ông, khiến ông cảm thấy bị tổn thương và không thể tiếp tục chung sống. Bà Đào Thị N cũng thừa nhận lúc nóng giận vợ chồng có kinh cãi. Điều này cũng phù hợp với kết quả xác minh từ người làm chứng, cho thấy sự bất hòa giữa hai bên đã diễn ra trong một thời gian dài. Mặc dù các bên khai không thống nhất về tình trạng sống chung nhưng bà N thừa nhận vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Mỗi người có cuộc sống riêng, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không còn sự ràng buộc về mặt tình cảm. Như vậy, mâu thuẫn giữa hai bên đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung đã chấm dứt hoàn toàn trên thực tế. Xét về nguyện vọng của hai bên, ông Thân A1 kiên quyết yêu cầu ly hôn, khẳng định không còn tình cảm với bà N và không muốn tiếp tục cuộc sống hôn nhân. Trong khi đó, bà N cho rằng vẫn còn tình cảm và mong muốn hàn gắn. Tuy nhiên, xét hoàn cảnh thực tế, bà N không có biện pháp nào để cải thiện mối quan hệ đã rạn nứt từ lâu. Việc duy trì quan hệ hôn nhân trong tình trạng này chỉ mang tính hình thức, không đem lại ý nghĩa thực tế. Hơn nữa, xét về tuổi tác của hai bên, cả ông Thân A1 và bà N đều đã bước vào giai đoạn cuối của cuộc đời, cần có sự thanh thản, ổn định về tinh thần. Việc duy trì một quan hệ hôn nhân đã hoàn toàn đổ vỡ chỉ gây thêm áp lực tâm lý và không đem lại lợi ích gì cho cuộc sống cho cả hai. Như vậy Hội đồng xét xử có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu ly hôn của ông Thân A1 là có căn cứ chấp nhận.

[5] Tại Đơn xin trình bày đề ngày 15/4/2025, bà N cho rằng nguyên nhân chính dẫn đến việc ông A1 và bà N mâu thuẫn là do ông A1 có sở thích ca hát chung với người đàn ông khác nên ông thường xuyên đi ca hát chung với người đàn ông khác từ đó ông A1 ít quan tâm đến gia đình. Đồng thời bà N cho rằng ông A1 dành tình cảm với người đàn ông khác là mất tư cách đạo đức của người cao tuổi. Xét thấy, việc ông A1 giao lưu ca hát với người đàn ông khác là bình thường, không có dấu hiệu mất tư cách của người cao tuổi. Đây là quyền tự do của ông A1 được ghi nhận tại Điều 3 của Hiến pháp. Do đó, bà N cho rằng ông A1 ca hát và dành tình cảm với người đàn ông khác là mất tư cách đạo đức của người cao tuổi là không có căn cứ.

[6] Ông A1 và bà N có 04 người con chung gồm: Thân Thị Ái H, sinh năm 1978; Thân Trọng H1, sinh năm 1979 (chết năm 2007, chưa có vợ con); Thân Thị Tuyết T2, sinh năm 1981; Thân Thị Kim T3, sinh năm 1984. Ông A1 và bà N thừa nhận hiện nay các con chung đã thành niên và có khả năng lao động được nên theo quy định tại khoản 1 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử không giải quyết việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn.

[7] Ông A1 và bà N không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[8] Về án phí: Ông Thân A1 là người cao tuổi và có Đơn đề nghị miễn chịu án phí dân sự sơ thẩm. Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ông Thân A1 được miễn chịu án phí.

[9] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 3 của Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội;

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Thân A1 đối với bà Đào Thị N.
2. Không giải quyết về con chung.
3. Không giải quyết về tài sản chung và nợ chung.
4. Về án phí: Ông Thân A1 là người cao tuổi và có Đơn đề nghị miễn chịu án phí nên được miễn chịu án phí dân sự sơ thẩm.
5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Phòng KTNV & THA
TAND tỉnh Bình Định;
- Lưu: Văn phòng; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Duy Minh

